

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ GÒ CÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 138/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2021

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Đàm Kiên Dân

- Bà Bùi Thu Hảo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị An Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Trinh - Kiểm sát viên;

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021, về việc: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65a/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Bích V, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn Công T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 6A, Ng, khu phố 3, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị V xin vắng mặt; anh T vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Phạm Thị Bích V trình bày:*

Chị và anh T, xã B, huyện G tự tìm hiểu rồi tự nguyện tiến đến hôn. Anh chị có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2007, tại Ủy ban nhân dân phường 1 thị xã G. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên đi nhậu, chị V không đồng ý nên vợ chồng cãi nhau. Khi cãi nhau, anh T có đánh chị V. Cuối năm 2020, chị V có gửi

đơn đến Tòa án xin ly hôn nhưng anh T hứa sửa đổi tính tình nên chị V rút lại đơn xin ly hôn. Từ đó đến nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh T vẫn thường xuyên đi nhậu, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị V không còn tình cảm với anh T và không thể tiếp tục chung sống với anh T nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Nguyễn Phạm Ngọc Anh T, sinh ngày 12/8/2009 và Nguyễn Phạm Nhật T, sinh ngày 06/5/2017. Ly hôn, chị V yêu cầu được nuôi con tên Nguyễn Phạm Nhật T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Giao anh T nuôi con tên Nguyễn Phạm Ngọc Anh T, chị V không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

\* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Công T hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị V.

*\* Ý kiến Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xét thấy, chị V và anh T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020. Do anh T thường xuyên đi nhậu, chị V không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên cãi và đánh nhau. Chị V cho rằng không còn tình cảm với anh T nên xin ly hôn. Anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị V là không muốn hàn gắn tình cảm với vợ chồng. Do đó cho thấy, mâu thuẫn giữa chị V và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V. Theo nguyện vọng của con tên Nguyễn Phạm Ngọc Anh T, sau khi cha mẹ xin ly hôn, cháu Thư muốn sống với anh T. Anh T không ý kiến việc chị V yêu cầu nuôi con tên Nguyễn Phạm Nhật T. Do đó, giao cháu Tiến cho chị V trực tiếp nuôi và giao anh T trực tiếp nuôi cháu Thư mới là phù hợp. Chị Thư không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có. Chị V phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa chị Phạm Thị Bích V và anh Nguyễn Công T là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chị Phạm Thị Bích V có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Công T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt chị V và anh T.

Xét về tình cảm: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị V là cô ý bỏ mặc cuộc hôn nhân của anh chị cho chị V quyết định. Từ năm 2020, chị V đã gửi đơn xin ly hôn là đã tạo điều kiện cho anh T thay đổi cách sống, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị V và anh T sống vẫn không hạnh phúc. Nay chị V lại tiếp tục xin ly hôn, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

Về con chung: Tại bản tự khai ngày 29/3/2021 (bl: 19), cháu Nguyễn Phạm Ngọc Anh T yêu cầu được sống với cha nếu cha, mẹ ly hôn. Chị V đồng ý để anh T nuôi cháu Thư, đây là sự tự nguyện của chị V và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thư nên ghi nhận. Chị V yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Phạm Nhật T. Xét thấy, anh T không trình bày ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của chị V. Tuy nhiên, do cháu Tiến còn nhỏ tuổi, đề đảm bảo việc chăm sóc cho cháu Tiến, cần giao cháu Tiến cho chị V trực tiếp tục nuôi dưỡng mới là phù hợp. Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết; nợ chung không có;

Về án phí: Chị V phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh T không phải nộp án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Áp dụng:**

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2013;

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

#### ***1/ Về quan hệ hôn nhân:***

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Bích V.

- Chị Phạm Thị Bích V được ly hôn với anh Nguyễn Công T.

**2/ Về con chung:**

- Chị Phạm Thị Bích V được trực tiếp nuôi con tên và Nguyễn Phạm Nhật T, sinh ngày 06/5/2017.
- Giao anh Nguyễn Công T trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Phạm Ngọc Anh T, sinh ngày 12/8/2009.
- Chị Phạm Thị Bích V không yêu cầu anh Nguyễn Công T cấp dưỡng nuôi con.
- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3/ Về tài sản chung:** Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

**4/ Về án phí:** Chị Phạm Thị Bích V phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0019308, ngày 01/03/2021 của Chi cục Thi hành án thị xã Gò Công. Như vậy, chị V đã nộp xong án phí.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND TXGC;
- CC. Thi hành án DS TXGC;
- UBND phường 1;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI**

